**BẢNG GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý DỰ THẢO LẦN 1**

**THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN LÝ GIÁ DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ, BẢO TRÌ ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA THỰC HIỆN THEO PHƯƠNG THỨC ĐẶT HÀNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỪ NGUỒN KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN**

*(Thay thế Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGTVT-BTC ngày 10/5/2016)*

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-CĐSVN ngày /5/2020)*

| **Nội dung Thông tư lấy ý kiến lần 1** | **Ý kiến góp ý của các**  **cơ quan, đơn vị** | **Ý kiến giải trình, tiếp thu** | **Nội dung sau khi giải trình, tiếp thu** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên Thông tư:**  Thông tư hướng dẫn phương pháp định giá và quản lý giá **dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.** |  |  | **Tên Thông tư:**  Thông tư hướng dẫn phương pháp định giá và quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. |
| Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16 tháng 6 năm 2017; |  |  | Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16 tháng 6 năm 2017; |
| Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012; |  |  | Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012; |
| Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015; |  |  | Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015; |
| Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Giá; Nghị định 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP; |  |  | Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Giá; Nghị định 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP; |
|  |  | Rà soát và đề nghị bổ sung cho đầy đủ căn cứ | Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; |
| Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; |  |  | Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; |
|  |  | Rà soát và đề nghị bổ sung cho đầy đủ căn cứ | Căn cứ Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; |
| Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước tử nguồn kinh phí chi thường xuyên; |  |  | Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước tử nguồn kinh phí chi thường xuyên; |
| Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải; |  |  | Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải; |
| Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính và Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, |  |  | Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính và Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, |
| **Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải** ban hành Thông tư hướng dẫn phương pháp định giá và quản lý giá **dịch vụ sự nghiệp công** trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. |  |  | Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn phương pháp định giá và quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. |
| **Điều 1. Phạm vi Điều chỉnh** |  |  | **Điều 1. Phạm vi Điều chỉnh** |
| Thông tư này hướng dẫn về phương pháp định giá và quản lý giá **dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên** theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. |  |  | Thông tư này hướng dẫn về phương pháp định giá và quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. |
| **Điều 2. Đối tượng áp dụng** |  |  | **Điều 2. Đối tượng áp dụng** |
| Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp có liên quan thực hiện sản xuất và cung ứng **dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.** |  |  | Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp có liên quan thực hiện sản xuất và cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. |
| **Điều 3. Nguyên tắc xác định giá** |  |  | **Điều 3. Nguyên tắc xác định giá** |
| Giá **dịch vụ sự nghiệp công** trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia được xác định đảm bảo: |  |  | Giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia được xác định đảm bảo: |
| 1. Bù đắp chi phí thực tế hợp lý, hợp lệ để hoàn thành một đơn vị khối lượng **dịch vụ sự nghiệp công** quy định trong quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia. | Thanh tra Bộ đề nghị bỏ cụm từ “bù đắp” cho phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP. | Tiếp thu | 1. Chi phí thực tế hợp lý để hoàn thành một đơn vị khối lượng dịch vụ sự nghiệp công quy định trong quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia. |
| Vụ Vận tải đề nghị giải thích cụm từ “hợp lệ”. | Tiếp thu, chỉnh sửa bỏ cụm từ “hợp lệ” cho phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP. |
| 2. Phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và trạng thái kỹ thuật của từng công trình, hoặc từng hạng mục công việc cụ thể. | Vụ KHCN đề nghị thống nhất sử dụng cụm từ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật. | Tiếp thu | 2. Phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và trạng thái kỹ thuật của từng công trình, hoặc từng hạng mục công việc cụ thể. |
| Vụ Vận tải đề nghị thay thế cụm từ “phù hợp với” bằng cụm từ “theo đúng quy định về”. | Đề nghị giữ nguyên cụm từ “phù hợp với”, lý do: Phương án giá do Bộ GTVT phê duyệt hàng năm hiện nay được xây dựng trên cơ sở nguồn vốn NSNN được phân bổ, một số công việc phải thực hiện chiết giảm so với yêu cầu định mức tiêu chuẩn trên cơ sở vẫn phải bảo đảm an toàn chạy tàu. |
| 3. Phù hợp với tình hình thị trường nơi thi công và khối lượng, chất lượng sản **dịch vụ sự nghiệp công** |  |  | 3. Phù hợp với tình hình thị trường nơi thi công và khối lượng, chất lượng sản dịch vụ sự nghiệp công |
| 4. Không tính trong giá **dịch vụ sự nghiệp công** các khoản chi phí đã được ngân sách nhà nước đảm bảo. |  |  | 4. Không tính trong giá dịch vụ sự nghiệp công các khoản chi phí đã được ngân sách nhà nước đảm bảo. |
|  |  | Rà soát và đề nghị bổ sung mới Điều này với lý do:  1. Tại Điều 4 Thông tư 10/2016/TT-BGTVT-BTC có quy định nội dung này. Vừa qua Bộ Tài chính có văn bản số 3780/BTC-TCDN ngày 31/3/202 đề nghị Bộ GTVT bãi bỏ Thông tư liên tịch sô 10/2016/TT-BGTVT-BTC.  2. Nội dung này cần phải tiếp tục quy định thực hiện quản lý, bảo trì KCHTĐS quốc gia. Đề xuất bổ sung mới Điều này | **Điều 4. Nội dung chi ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên để thực hiện công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia**  Nguồn kinh phí chi thường xuyên để thực hiện công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do nhà nước cấp để thực hiện các nhiệm vụ sau: |
|  |  | 1. Điều 3 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, bảo dưỡng công trình thuộc hoạt động bảo trì.  2. Theo quy định tại Điều 41 Nghị định 46/2015 quy định, công tác bảo dưỡng công trình được thực hiện từng bước theo quy định tại quy trình bảo trì công trình; Tại Điều 24 Quy trình bảo trì công trình đường sắt yêu cầu công tác bảo dướng công trình phải được kiểm tra, giám sát thường xuyên.  3. Theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP, kinh phí bảo trì tài sản KCHTĐS được bố trí từ ngân sách nhà nước. | 1. Bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt và giám sát thực hiện bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt. |
|  |  | Điều 3 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, sửa chữa công trình thuộc hoạt động bảo trì. | 2. Sửa chữa công trình đường sắt. |
|  |  | Theo quy định tại Điều 22 Luật Đường sắt, nguồn tài chính cho quản lý, bảo trì KCHTĐS do nhà nước đầu tư được bảo đảm từ nguồn NSNN. | 3. Quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt. |
|  |  | 1. Công tác bảo trì KCHTĐS có khối lượng lớn, do nhiều đơn vị trực tiếp thực hiện mà đầu mối trước đây là Tổng công ty ĐSVN tổ chức quản lý và hưởng chi phí quản lý dự án quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư 10.  2. Khi thực hiện đặt hàng quản lý, bảo trì KCHTĐS quốc gia, đề xuất quy định chi phí công tác này với lý do:  (1) Trường hợp cơ quan được giao nhiệm vụ đặt hàng sau này có tổ chức sự nghiệp trực thuộc để thay mặt ký hợp đồng đặt hàng với nhà cung cấp dịch vụ dịch vụ sự nghiệp thì chi phí này được dùng để chi cho hoạt động của bộ máy tổ chức sự nghiệp (nếu có).  (2) Trường hợp cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công trực tiếp thực hiện công tác này sẽ không được sử chi phí quản lý công tác đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công này khi ngân sách nhà nước bố trí hàng năm của cơ quan này để đảm bảo hoạt động cho công tác đặt hàng. | 4. Quản lý công tác đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công (nếu có). |
|  |  | Các công tác khác liên quan bao gồm: Điều tra, lập kế hoạch bảo trì Nội dung này | 5. Công tác khác liên quan gồm: Quan trắc, kiểm định, thẩm tra, thẩm định, giám sát thi công, tư vấn lập dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, kiểm toán, quyết toán và tư vấn khác (trong trường hợp công trình thực hiện có yêu cầu hoặc khi cần thiết). |
| **Điều 4. Kết cấu và phương pháp xác định giá dịch vụ sự nghiệp công** |  |  | **Điều 5. Kết cấu và phương pháp xác định giá dịch vụ sự nghiệp công** |
| 1. Kết cấu giá đối với công tác bảo dưỡng công trình thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư này, bao gồm:  a) Chi phí trực tiếp:  - Chi phí nguyên, vật liệu, năng lượng;  - Chi phí nhân công;  - Chi phí máy và thiết bị thi công.  b) Chi phí gián tiếp:  - Chi phí chung;  - Chi phí một số công việc chưa tính đủ trong công tác bảo dưỡng công trình.  c) Thu nhập chịu thuế tính trước;  d) Thuế giá trị gia tăng. |  |  | 1. Kết cấu giá đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này. |
| 2. Phương pháp xác định giá đối với công tác bảo dưỡng công trình thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này. |  |  | 2. Phương pháp xác định giá đối với công tác bảo dưỡng công trình thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này. |
| 3. Đối với công tác sửa chữa và công tác khác thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và pháp luật có liên quan. |  |  | 3. Đối với công tác sửa chữa và công tác khác thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và pháp luật có liên quan. |
| 4. Chi phí quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, chi phí quản lý công tác đặt hàng, chi phí giám sát công tác bảo dưỡng và các chi phí có liên quan khác thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Thông tư này. |  |  | 4. Chi phí quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, quản lý công tác đặt hàng, giám sát công tác bảo dưỡng thường xuyên và các chi phí có liên quan khác thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Thông tư này. |
| **Điều 5. Chi phí quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia** | Tổng công ty ĐSVN đề nghị sửa tên Điều: Chi phí quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia cho phù hợp với Nghị định số 46/2018/NĐ-CP | Đề nghị giữ nguyên với lý do:  - Theo quy định tại khoản 15 Điều 3 Luật ĐS: Kết cấu hạ tầng đường sắt là công trình đường sắt, phạm vi bảo vệ công trình đường sắt và hành lang an toàn giao thông đường sắt.  - Theo quy định tại khoản 1, Điều 11 Luật ĐS: Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt bao gồm: Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trực tiếp liên quan đến chạy tàu bao gồm công trình, hạng mục công trình đường sắt hoặc công trình phụ trợ khác…  Như vậy, Tài sản KCHTĐS không bao gồm đất trong phạm vị bảo vệ CTĐS và hành lang ATGT đường sắt. Trong khi đó đất trong phạm vị bảo vệ CTĐS và hành lang ATGT đường sắt cũng cần phải quản lý. | **Điều 6. Chi phí quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia** |
| 1) Nội dung chi phí: |  | Rà soát và điều chỉnh lại thứ tự các điểm cho phù hợp. | 1. Nội dung chi phí: |
| c) Chi phí lập, lưu trữ và cập nhật hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt; |  |  | a) Lập, quản lý, lưu trữ và cập nhật hồ sơ kết cấu hạ tầng đường sắt; |
| a) Chi phí thực hiện điều tra, lập kế hoạch bảo trì; xây dựng đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công; | Tổng công ty ĐSVN đề nghị chuyển nội dung này sang mục chi khác trong công tác bảo trì. | Đề nghị giữ nguyên nội dung dự thảo với lý do, nếu chuyển sang chi phí khác cho công tác bảo trì, để đủ điều kiện đặt hàng nhiệm vụ này thì phải xây dựng định mức.  Trong khi đó, nội dung này thuộc nội dung quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 16/2018/TT-BGTVT. | b) Lập, điều chỉnh kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt; |
| d) Chi phí tổ chức công tác kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; |  |  | c) Tổ chức công tác kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; |
| đ) Chi phí kiểm kê, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định; |  | Rà soát và bỏ cụm từ “tài sản” để bao hàm hết phạm vi theo quy định của Luật ĐS. | d) Kiểm kê, báo cáo về kết cấu hạ tầng đường sắt; |
| b) Chi phí tổ chức, thực hiện rà soát, phân loại tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (nếu có); |  |  | đ) Tổ chức, thực hiện rà soát, phân loại tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt (nếu có); |
| e) Chi phí thu hồi, điều chuyển, chuyển đổi công năng, bán, thanh lý, tiêu hủy và các hình thức xử lý khác đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt. |  | Rà soát và đề nghị bỏ nội dung điểm này vì chi phí này đã được đảm bảo bằng nguồn vốn khác theo quy định tại Điều 26, Nghị định 46/2018/NĐ-CP. |  |
|  |  | Rà soát và đề nghị bổ sung nội dung điểm này cho phù hợp với quy định với Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và để vận hành cơ sở dữ liệu về tài sản KCHTĐS quốc gia. | e) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về kết cấu hạ tầng đường sắt; |
|  | Tổng công ty ĐSVN đề nghị bổ sung chi phí mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc các tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định tại Luật Phòng cháy, chữa cháy; Nghị định số 79/2014/NĐ-CP; Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy nổ bắt buộc. | Tiếp thu với lý do:  1. Theo quy định tại Điều 6 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có quy định những tài sản có nguy cơ rủi ro cao do thiên tai, hỏa hoạn và nguyên nhân bất khả kháng khác được quản lý rủi ro về tài chính thông qua bảo hiểm hoặc công cụ khác theo quy định của pháp luật.  2. Tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 46/2018/NĐ-CP có quy định, những tài sản có nguy cơ rủi ro cao do thiên tai, hỏa hoạn và nguyên nhân bất khả kháng khác được quản lý rủi ro về tài chính thông qua bảo hiểm hoặc công cụ khác theo quy định của pháp luật.  3. Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy nổ theo đó tài sản KCHTĐS thuộc diện bắt buộc phải mua là nhà ga hành khách, ga hàng hóa, bãi hàng hóa... | g) Mua bảo hiểm cháy, nổ đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt bắt buộc phải mua bảo hiểm cháy nổ; |
|  | Tổng công ty ĐSVN đề nghị bổ sung chi phí bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt | Tiếp thu, bổ sung chi phí bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt | h) Bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt. |
|  | Tổng công ty ĐSVN đề nghị bổ sung chi phí tổ chức giải quyết sự cố, tai nạn, hư hỏng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt | Đề nghị giữ nguyên dự thảo với lý do các nội dung này đã pháp luật quy định trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh đường sắt; Thông tư số 23/2018/TT-BGTVT cũng quy định về trình tự giải quyết sự cố, tai nạn. Chi phí khắc phục sẽ phụ thuộc vào nguyên nhân khắc phục, do đó việc quy định nội dung chi phí tổ chức giải quyết sự cố, tai nạn, hư hỏng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt trong nội dung Thông tư này để tổ chức đặt hàng là không phù hợp. |  |
| 2) Phương pháp xác định: |  |  |  |
| Phương án 1: Chi phí quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt được xác định trên cơ sở định mức chi phí theo tỷ lệ (%) ban hành tại Phụ lục 03 của Thông tư này nhân với giá dịch vụ sự nghiệp công được phê duyệt. | Thanh tra Bộ đề nghị làm rõ căn cứ, cơ sở tính toán để đưa ra mức tỷ lệ % tại Phụ lục 3 | Ý kiến của Cục ĐSVN: Chi phí quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt được xác định trên cơ sở định mức chi phí theo tỷ lệ (%), theo đó:  - Yêu cầu Tổng công ty ĐSVN thống kê chuỗi số liệu chi phí cho công tác quản lý tài sản KCHTĐS của 03 năm gần đây mà đã được cấp có thẩm quyền xét duyệt quyết toán hàng năm. Việc xác định giá trị tài sản KCHTĐS để tính tỷ lệ % là không thể thực hiện được vì tài sản KCHTĐS được hình thành từ rất lâu, trải qua quá trình quản lý, khai thác trong nhiều năm.  - Xử lý số liệu theo phương án tính giá trị tỷ lệ % trên tổng kinh phí quản lý, bảo trì KCHTĐS bình quân hàng năm.  - Phương án này có 02 đơn vị phản đối gồm: Thanh tra Bộ và Tổng công ty ĐSVN; 03 Vụ không có ý kiến gồm: Vận tải, Môi trường, KHCN; 08 đơn vị không tham gia ý kiến gồm các Vụ: TC, PC, KCHT, TCCB, ATGT, QLDN, KHĐT và Văn phòng Bộ. |  |
| Tổng công ty ĐSVN đề nghị:  + Việc xây dựng định mức tỷ lệ % của chi phí quản lý tài sản phải có đơn vị tư vấn có chuyên môn thực hiện và phải được Bộ GTVT giao kế hoạch xây dựng, do đó chưa thể thực hiện ngay được.  + Trường hợp lựa chọn Phương án 1 thì chi phí quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt được xác định trên cơ sở định mức chi phí theo tỷ lệ (%) nhân với giá trị tài sản. |
| Phương án 2: Chi phí quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt được tính dự toán riêng theo nhiệm vụ cụ thể và được tổng hợp trong phương án giá dịch vụ sự nghiệp công. | Thanh tra Bộ đề nghị lựa chọn PA này vì căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và điểm b khoản 3 Điều 22 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP để ban hành bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật; đồng thời việc tính chi phí theo nhiệm vụ cụ thể sẽ phù hợp khi nghiệm thu, thanh quyết toán. | Ý kiến của Cục ĐSVN: Chi phí quản lý tài sản KCHTĐS xác định bằng cách lập dự toán chi tiết theo từng nội dung công việc cụ thể. Theo đó:  - Bộ GTVT xây dựng, ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đối với từng nội dung công việc trong công tác quản lý tài sản KCHTĐS làm cơ sở cho việc lập dự toán.  - Thuê đơn vị tư vấn có đủ năng lực để thực hiện điều tra, khảo sát và lập định mức kinh tế kỹ thuật.  - Phương án có 02 đơn vị đồng thuận gồm: Thanh tra Bộ và Tổng công ty ĐSVN; 03 Vụ không có ý kiến gồm: Vận tải, Môi trường, KHCN; 08 đơn vị không tham gia ý kiến gồm các Vụ: TC, PC, KCHT, TCCB, ATGT, QLDN, KHĐT và Văn phòng Bộ. |  |
| Tổng công ty ĐSVN kiến nghị lựa chọn PA này. |
|  |  | Đề xuất của Cục ĐSVN kiến nghị phương án chi phí quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt được xác định trên cơ sở định mức xây dựng được cơ quan có thẩm quyền ban hành; đồng thời, để triển khai thực hiện năm 2021, cho phép xác định chi phí theo số liệu báo cáo của Tổng công ty ĐSVN trên cơ sở báo cáo quyết toán được đã được phê duyệt.  Với lý do:  1. Theo điều kiện đặt hàng quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, công tác này phải có định mức.  2. Hai phương án đề xuất tạ Dự thảo 1 Cục đều cần phải có định mức, tuy nhiên để xây dựng định mức cần phải có thời gian thực hiện. | 2. Chi phí quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt được xác định trên cơ sở định mức được cơ quan có thẩm quyền ban hành.  3. Chi phí quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt trong năm 2021 khi định mức chưa ban hành được xác định như sau:  a) Cho phép xác định chi phí quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt bằng chi phí bình quân 03 năm gần nhất theo số liệu báo cáo của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam trên cơ sở báo cáo quyết toán đã được phê duyệt để lập, phê duyệt kế hoạch, dự toán kinh phí bảo trì kết cấu hạ tầng hạ tầng giao thông đường sắt;  b) Chi phí quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt xác định tại điểm a khoản này là giá tạm tính để ký hợp đồng đặt hàng với đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;  c) Giá trị quyết toán chi phí quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo định mức xây dựng được cấp có thẩm quyền ban hành. |
| **Điều 6. Chi phí quản lý công tác đặt hàng và chi phí khác**  1. Chi phí quản lý công tác đặt hàng  a) Chi phí quản lý công tác đặt hàng là chi phí cho công tác quản lý của đơn vị được giao đặt hàng gồm quản lý về phạm vi, kế hoạch công việc; quản lý khối lượng, chất lượng, tiến độ công việc; quản lý chi phí, an toàn, bảo vệ môi trường;  b) Chi phí quản lý công tác đặt hàng được xác định trên cơ sở định mức chi phí theo tỷ lệ phần trăm (%) ban hành tại Phụ lục 03 của Thông tư này nhân với tổng kinh phí bảo dưỡng đường sắt quốc gia trong giá dịch vụ sự nghiệp công được phê duyệt. | Tổng công ty ĐSVN đề nghị sửa đổi tên nội dung vì công tác đặt hàng chỉ là một trong số toàn bộ các hoạt động liên quan đến việc tổ chức triển khai thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên KCHTĐS quốc gia | Đề nghị giữ nguyên nội dung dự thảo với lý do, các chi phí này được sử dụng cho cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công và chỉ được sử dụng chi phí này khi không được ngân sách nhà nước đảm bảo hoạt động cho công tác đặt hàng.  Rà soát và chỉnh sửa kết cấu bảo đảm đồng bộ theo Điều 5 của dự thảo này | **Điều 7. Chi phí quản lý công tác đặt hàng và chi phí khác**  1. Chi phí quản lý công tác đặt hàng  a) Chi phí quản lý công tác đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công (nếu có) là chi phí cho công tác quản lý của cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;  b) Chi phí quản lý công tác đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) tại Bảng 1 Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này nhân với tổng kinh phí bảo dưỡng thường xuyên chưa có thuế giá trị gia tăng;  c) Cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công chỉ được sử dụng chi phí này khi không được ngân sách nhà nước đảm bảo hoạt động cho công tác đặt hàng. |
| 2. Chi phí khác trong công tác bảo trì gồm: Chi phí quan trắc, kiểm định, kiểm tra, thẩm tra, thẩm định, tư vấn lập dự án, tư vấn thiết kế, kiểm toán, quyết toán, tư vấn khác (trong trường hợp công trình thực hiện có yêu cầu hoặc khi cần thiết) của **dịch vụ sự nghiệp công** được tính riêng cho từng nhiệm vụ cụ thể và thực hiện theo quy định hiện hành. |  | Rà soát và chỉnh sửa kết cấu bảo đảm đồng bộ theo Điều 5 của dự thảo này. | 2. Chi phí khác trong công tác bảo trì  a) Nội dung chi phí gồm: Chi phí quan trắc, kiểm định, thẩm tra, thẩm định, giám sát thi công, tư vấn lập dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, kiểm toán, quyết toán và tư vấn khác (trong trường hợp công trình thực hiện có yêu cầu hoặc khi cần thiết) của dịch vụ sự nghiệp công;  b) Phương pháp xác định: Chi phí khác trong công tác bảo trì được tính riêng cho từng nhiệm vụ cụ thể và thực hiện theo quy định hiện hành. |
| **Điều 7. Chi phí giám sát công tác bảo dưỡng thường xuyên.**  Chi phí giám sát công tác bảo dưỡng thường xuyên được xác định trên cơ sở định mức chi phí theo tỷ lệ (%) ban hành tại Phụ lục 03 của Thông tư này nhân với giá dịch vụ sự nghiệp công được phê duyệt. |  | Rà soát và chỉnh sửa nội dung tên Điều cho phù hợp với nội dung quy trình bảo trì; điều chỉnh kết cấu bảo đảm đồng bộ theo Điều 5 của dự thảo này. | **Điều 8. Chi phí giám sát công tác bảo dưỡng thường xuyên**  1. Nội dung chi phí  a) Kiểm tra hồ sơ pháp lý và các điều kiện để thực hiện bảo dưỡng công trình;  b) Kiểm tra, chấp thuận hệ thống quản lý chất lượng bảo dưỡng công trình của nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công và của đơn vị thực hiện bảo dưỡng công trình;  c) Kiểm tra, chấp thuận vật tư, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, linh kiện đưa vào công trình;  d) Kiểm tra và giám sát chất lượng công việc bảo dưỡng công trình;  đ) Tổ chức nghiệm thu, xác nhận khối lượng bảo dưỡng công trình;  e) Kiểm tra và xác nhận khối lượng, chất lượng vật tư, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, linh kiện đưa vào công trình cứu chữa, khắc phục bước 1 hậu quả lụt, bão, sự cố, thiên tai và cứu nạn;  g) Công việc khác về công tác quản lý, bảo trì công trình theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.  2. Phương pháp xác định  Chi phí giám sát công tác bảo dưỡng thường xuyên xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) tại Bảng 2 Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này nhân với tổng kinh phí bảo dưỡng thường xuyên chưa có thuế giá trị gia tăng. |
| **Điều 8. Sử dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật** |  | Rà soát và điều chỉnh lại tên Điều cho rõ ràng | **Điều 9. Sử dụng các định mức trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia** |
| 1. Việc xây dựng giá **dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia** phải sử dụng hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật do các cơ quan có thẩm quyền ban hành. |  |  | 1. Việc xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia phải sử dụng hệ thống định mức được các cơ quan có thẩm quyền ban hành. |
| 2. Trường hợp cần phải xây dựng định mức xây dựng kinh tế - kỹ thuật cho các công việc không có trong hệ thống định mức hoặc điều chỉnh các định mức xây dựng đã được công bố để phù hợp với biện pháp thi công, yêu cầu về công nghệ, kỹ thuật, điều kiện thi công của công trình thì cơ quan lập giá dịch vụ sự nghiệp công tổ chức xây dựng hoặc điều chỉnh và có thể thuê các tổ chức, cá nhân tư vấn quản lý chi phí đủ điều kiện năng lực theo quy định để xác định định mức mới hoặc điều chỉnh định mức làm cơ sở trình Bộ Giao thông vận tải ban hành sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng để xác định giá dịch vụ sự nghiệp công. |  |  | 2. Trường hợp cần phải xây dựng định mức cho các công việc không có trong hệ thống định mức hoặc điều chỉnh các định mức đã được công bố để phù hợp với biện pháp thi công, yêu cầu về công nghệ, kỹ thuật, điều kiện thi công của công trình thì cơ quan lập giá dịch vụ sự nghiệp công tổ chức xây dựng hoặc điều chỉnh và được phép thuê các tổ chức, cá nhân tư vấn quản lý chi phí đủ điều kiện năng lực theo quy định để xây dựng mới hoặc điều chỉnh định mức trình Bộ Giao thông vận tải ban hành. |
| **Điều 9. Thẩm quyền quyết định giá** |  |  | **Điều 10. Thẩm quyền quyết định giá** |
| Đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Bộ Giao thông vận tải quyết định sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính và gửi quyết định giá đến Bộ Tài chính để theo dõi giám sát. |  |  | Đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Bộ Giao thông vận tải quyết định sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính và gửi quyết định giá đến Bộ Tài chính để theo dõi giám sát. |
| **Điều 10. Thời điểm quyết định giá** |  |  | **Điều 11. Thời điểm quyết định giá** |
| 1. Việc quyết định giá **dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia** được thực hiện sau khi **dự toán chi ngân sách nhà nước** được Bộ Tài chính giao cho Bộ Giao thông vận tải. |  |  | 1. Việc quyết định giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được thực hiện sau khi dự toán chi ngân sách nhà nước được Bộ Tài chính giao cho Bộ Giao thông vận tải. |
|  | Tổng công ty ĐSVN đề nghị bổ sung khoản 3 quy định về thời điểm phê duyệt phương án giá:  3. Thời hạn phê duyệt phương án giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trước ngày 10 tháng 3 của năm kế hoạch. | Tiếp thu bổ sung nội dung quy định về thời gian trình phương án giá, chuyển nội dung khoản 2 thành nội dung khoản 3 để bảo đảm thời gian phê duyệt phương án giá trước ngày 10/3 của năm kế hoạch.  Quy định về việc lập, trình phương án giá sẽ được quy định cụ thể trong Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2018/TT-BGTVT. | 2. Cơ quan được giao lập giá dịch vụ sự nghiệp công trình cấp có thẩm quyền phương án giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trước ngày 15 tháng 02 của năm kế hoạch. |
| 2. Thời hạn thẩm định và quyết định giá thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 9 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Giá và văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế (nếu có). |  | Rà soát và điều chỉnh để làm rõ giá dịch vụ quản lý, bảo trì KCHTĐS quốc gia là phương án giá. | 3. Thời hạn thẩm định và quyết định phương án giá thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 9 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Giá và văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế (nếu có). |
| **Điều 11. Điều chỉnh giá hợp đồng đặt hàng** |  |  | **Điều 12. Điều chỉnh giá hợp đồng đặt hàng** |
| Việc điều chỉnh giá hợp đồng đặt hàng thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và phải được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận trước khi thực hiện. |  |  | Việc điều chỉnh giá hợp đồng đặt hàng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và phải được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận trước khi thực hiện. |
| **Điều 12. Kiểm tra tình hình thực hiện các quy định về quản lý giá** |  |  | **Điều 13. Kiểm tra tình hình thực hiện các quy định về quản lý giá** |
| 1. Việc kiểm tra chấp hành các quy định về quản lý giá **dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia** thực hiện theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. |  |  | 1. Việc kiểm tra chấp hành các quy định về quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia thực hiện theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật hiện hành. |
| 2. Các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại Thông tư này, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. |  |  | 2. Các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại Thông tư này, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. |
| 3. Thẩm quyền xử phạt cụ thể, trình tự, thủ tục xử phạt thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. |  |  | 3. Thẩm quyền xử phạt cụ thể, trình tự, thủ tục xử phạt thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. |
| **Điều 13. Tổ chức thực hiện** |  |  | **Điều 14. Tổ chức thực hiện** |
| 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2020, thay thế Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTC-BGTVT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giao thông vận và tải Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp định giá và quản lý giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng, giao kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương. |  |  | 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2020, thay thế Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTC-BGTVT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giao thông vận và tải Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp định giá và quản lý giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia thực hiện theo phương thức đặt hàng, giao kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương. |
|  |  | Rà soát và đề nghị bổ sung nội dung khoản 2 để hoàn thiện hệ thống định mức cho công tác quản lý tài sản KCHTĐS, làm cơ sở cho việc thực hiện đặt hàng theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP | 2. Giao Cục Đường sắt Việt Nam chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính, Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông, doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt tổ chức xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, hoàn chỉnh hệ thống định mức đối với công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia trước ngày 30 tháng 6 năm 2021. |
| 2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết./. |  |  | 3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết./. |
| **Phụ lục số 01: Kết cấu giá dịch vụ sự nghiệp công trong công tác bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia** | Vụ KHCN đề nghị phân tích kỹ hơn việc lựa chọn công thức và các hệ số, đồng thời cần lấy ý kiến của Bộ Xây dựng về việc vận dụng quy định. | Sản phẩm bảo trì công trình đường sắt là hoạt động xây dựng, do đó các hệ số tại Phụ lục số 01 xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định tại Thông tư 09/2016/TTLT-BGTVT-BTC và bảo đảm phù hợp với hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Thông tư số 09/2019/TT-BXD.  Theo ý kiến góp ý của Vụ KHCN, đề nghị Vụ Tài chính cân nhắc việc lấy ý kiến của Bộ Xây dựng khi thực hiện thẩm định. |  |
| **Phụ lục số 02: Phương pháp xác định giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia**  a) Chi phí chung là khoản chi phí của nhà thầu, đơn vị được đặt hàng, giao nhiệm vụ (không bao gồm chi phí quản lý của cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý đặt hàng, giao kế hoạch sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia, bao gồm: chi phí tiền lương và các khoản chi có tính chất lương, các khoản đóng góp và các chế độ khác cho bộ máy quản lý; các khoản đóng góp và các chế độ khác của lao động trực tiếp sản xuất (chưa tính trong chi phí nhân công trực tiếp sản xuất); chi phí điện, nước, điện thoại, xăng xe, công tác phí, văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ cho bộ máy quản lý; chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ bộ máy quản lý đối với doanh nghiệp; chi hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết của đơn vị; chi phí chuyển quân, chi phí làm nhà tạm để ở và điều hành thi công. | Tổng công ty ĐSVN có ý kiến đề nghị sửa đổi nội dung mục chi phí chung cho phù hợp với Thông tư số 09/2019/TT-BXD. Cụ thể như sau:  a) Chi phí chung gồm:  - Chi phí quản lý tại doanh nghiệp, là chi phí quản lý của doanh nghiệp phân bổ cho công trình, gồm các chi phí: lương cho ban điều hành; lương cho người lao động; chi trả trợ cấp mất việc; chi phí đóng bảo hiểm cho người lao động theo quy định; chi phí phúc lợi; chi phí bảo trì văn phòng và các phương tiện; chi phí tiện ích văn phòng; chi phí thông tin liên lạc và giao thông đi lại; chi phí sử dụng tiện ích điện, nước; chi phí nghiên cứu và phát triển; chi phí quảng cáo; chi phí xã hội; chi phí tặng, biếu, từ thiện; chi phí thuê đất, văn phòng và chỗ ở; chi phí khấu hao; khấu hao chi phí nghiên cứu thử nghiệm; khấu hao chi phí phát triển; thuế, lệ phí, phí theo quy định; bảo hiểm tổn thất; chi phí bảo đảm hợp đồng; các chi phí khác.  - Chi phí điều hành sản xuất tại công trường là toàn bộ chi phí cho bộ máy quản lý của doanh nghiệp tại công trường, gồm các chi phí: chi phí quản lý lao động; điện nước tại công trường, chi phí huấn luyện an toàn; lương và phụ cấp cho người lao động bao gồm lương và các loại phụ cấp cho cán bộ, nhân viên tại văn phòng hiện trường; v.v...  - Chi phí bảo hiểm của người lao động trực tiếp mà người sử dụng lao động phải nộp cho Nhà nước theo quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp). | Tiếp thu | **Phụ lục số 02:**  a) Chi phí chung gồm:  - Chi phí quản lý tại doanh nghiệp, là chi phí quản lý của doanh nghiệp phân bổ cho công trình, gồm các chi phí: lương cho ban điều hành; lương cho người lao động; chi trả trợ cấp mất việc; chi phí đóng bảo hiểm cho người lao động theo quy định; chi phí phúc lợi; chi phí bảo trì văn phòng và các phương tiện; chi phí tiện ích văn phòng; chi phí thông tin liên lạc và giao thông đi lại; chi phí sử dụng tiện ích điện, nước; chi phí nghiên cứu và phát triển; chi phí quảng cáo; chi phí xã hội; chi phí tặng, biếu, từ thiện; chi phí thuê đất, văn phòng và chỗ ở; chi phí khấu hao; khấu hao chi phí nghiên cứu thử nghiệm; khấu hao chi phí phát triển; thuế, lệ phí, phí theo quy định; bảo hiểm tổn thất; chi phí bảo đảm hợp đồng; các chi phí khác.  - Chi phí điều hành sản xuất tại công trường là toàn bộ chi phí cho bộ máy quản lý của doanh nghiệp tại công trường, gồm các chi phí: chi phí quản lý lao động; điện nước tại công trường, chi phí huấn luyện an toàn; lương và phụ cấp cho người lao động bao gồm lương và các loại phụ cấp cho cán bộ, nhân viên tại văn phòng hiện trường; v.v...  - Chi phí bảo hiểm của người lao động trực tiếp mà người sử dụng lao động phải nộp cho Nhà nước theo quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp). |
| b) Chi phí chung được xác định bằng chi phí nhân công nhân với tỷ lệ chi phí chung được xác định theo bảng  Trường hợp quy mô chi phí nhân công nằm trong khoảng quy mô chi phí tại Bảng này thì định mức chi phí chung được xác định bằng phương pháp nội suy. | Tổng công ty ĐSVN đề nghị bổ sung công thức tính nội suy | Tiếp thu, bổ sung công thức tính nội suy | Trường hợp quy mô chi phí nhân công nằm trong khoảng quy mô chi phí tại Bảng này thì định mức chi phí chung (Kc) được xác định bằng phương pháp nội suy theo công thức sau:    Trong đó:  + Gt: chi phí nhân công trong phương án giá đang cần xác định;  + Ga: giá trị chi phí nhân công cận trên giá trị cần tính định mức;  + Gb: giá trị chi phí nhân công cận dưới giá trị cần tính định mức;  + Ka: Định mức tỷ lệ chi phí chung tương ứng với Ga;  + Kb: Định mức tỷ lệ chi phí chung tương ứng với Gb. |
| **Phụ lục số 03: Phương pháp xác định chi phí quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia** |  |  |  |
| 1. Chi phí quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt | Ý kiến của Tổng công ty ĐSVN:  - Số liệu từ Tổng công ty ĐSVN cung cấp tại văn bản số 817/ĐS-QLHT ngày 13/4/2020, chi phí quản lý tài sản KCHTĐS quốc gia năm 2016 là 13.731.216.755 đồng; năm 2017 là 8.103.503.404 đồng; năm 2018 là 19.351.743.948 đồng; dự kiến chi các chi phí cần thiết khác là 3.809.915.000 đồng.  - Tổng công ty ĐSVN không đề xuất áp dụng định mức tỷ lệ % chi phí quản lý tài sản do việc này cần phải có đơn vị tư vấn có đủ năng lực xây dựng về định mức nghiên cứu, đề xuất. Đề nghị Bộ GTVT đưa vào kế hoạch bảo trì KCHTĐS quốc gia năm 2021.  - Trường hợp lựa chọn PA1, Tổng công ty ĐSVN đề nghị xác định chi phí quản lý tài sản nếu xác định theo tỷ lệ % thì căn cứ trên giá trị tài sản.  - Thanh tra Bộ: Đề nghị lựa chọn phương án 2 (Lập dự toán chi tiết cho từng công việc cụ thể) vì căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và điểm b khoản 3 Điều 22 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP để bản hành bô rúng định mức kinh tế kỹ thuật; đồng thời việc tính chi phí theo nhiệm vụ cụ thể sẽ phù hợp khi nghiệm thu, thanh quyết toán. | Hiện nay, kết quả kiểm kê tài sản mà Tổng công ty ĐSVN thực hiện vẫn chưa có số liệu chính thức, do đó việc xác định tổng giá trị tài sản KCHTĐS chưa thực hiện được.  Do đó, Cục ĐSVN kiến nghị quy định cụ thể như Điều 6 của Dự thảo Thông tư theo giai đoạn áp dụng từ năm 2021 để ký hợp đồng đặt hàng. Lộ trình xây dựng định mức cho công tác quản lý tài sản KCHTĐS để làm cơ sở để quyết toán giá trị và thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP. |  |
| 2. Định mức chi phí quản lý công tác đặt hàng. |  |  |  |
| 3. Chi phí giám sát công tác bảo dưỡng thường xuyên. | Thanh tra Bộ đề nghị làm rõ căn cứ, cơ sở tính toán để đưa ra mức tỷ lệ % tại Phụ lục 3 | Về cơ sở đưa ra định mức tỷ lệ % tại Phụ lục 3: Tỷ lệ % làm căn cứ xác định mức chi phí giám sát áp dụng theo quy định hiện hành của Bộ Xây dựng với lý do:  1. Khoản 2 Điều 41 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP quy định về quản lý chất lượng công việc bảo trì công trình xây dựng: Công tác bảo dưỡng công trình được thực hiện từng bước theo quy định tại quy trình bảo trì công trình xây dựng. Kết quả thực hiện công tác bảo dưỡng công trình phải được ghi chép và lập hồ sơ; chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm xác nhận việc hoàn thành công tác bảo dưỡng và quản lý trong hồ sơ bảo trì công trình xây dựng.  2. Các nội dung yêu cầu về công tác kiểm tra, giám sát thực hiện bảo dưỡng công trình quy định tại Điều 24 Quy trình bảo trì công trình đường sắt được Bộ GTVT ban hành kèm theo Quyết định 2230/QĐ-BGTVT cơ bản tương đồng với nội dung giám sát thi công xây dựng công trình quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.  3. Thông tư số 06/2019/TT-BGTVT ngày 31/01/2019 quy định việc quản lý, bảo trì tài sản KCHT đường sắt quốc gia phải được giám sát thường xuyên, định kỳ, đột xuất. |  |